

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2024

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hoa**

2. Ông **Lưu Văn Bình**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trịnh Hoàng A**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp T1, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

(Anh A có mặt; Chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trịnh Hoàng A trình bày:***

Do mai mối, vào năm 2012, anh có kết hôn với chị Nguyễn Thị L (có Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2012 cấp ngày 04/6/2012, đăng ký tại UBND xã Đ, huyện A). Trong quá trình chung sống, trước đây tuy hoàn cảnh khó khăn nhưng vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014, trong thời gian vợ chồng đi làm, chị L tụ tập bạn bè đi chơi, không lo làm ăn, khi biết được anh có khuyên ngăn nhưng chị L không sửa đổi. Tuy vậy, anh vẫn cho chị L cơ hội sửa đổi nhưng dần dần chị L bỏ đi sống cùng người đàn ông khác, bỏ con lúc còn thơ dại. Từ đó đến nay chị L thường xuyên về nhà cha mẹ ruột nhưng không tới lui thăm con, hiện nay chị L có ý định về sống gần con. Nhận thấy anh và chị L không còn cơ hội hàn gắn nên anh đề nghị ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung là Trịnh Hoàng A1, sinh ngày 12/7/2013. Hiện do anh nuôi dưỡng, khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị L không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Hoàng A, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh A: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; về con chung: khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị L: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho anh A được ly hôn với chị L; về con chung: xét thấy từ khi anh A và chị L ly thân cho đến nay do anh A nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và theo nguyện vọng của con chung cũng muốn được sống chung với anh A để đảm bảo quyền lợi của con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cho anh A nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do anh A không có yêu cầu; tài sản, nợ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị L có hộ khẩu thường trú ở ấp T1, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh A và chị L là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2012 ngày 04 tháng 6 năm 2012.

Theo anh A do mai mối, vào năm 2012, anh và chị L tiến tới hôn nhân. Trong quá trình chung sống, trước đây tuy hoàn cảnh khó khăn nhưng vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014, trong thời gian vợ chồng đi làm, chị L tụ tập bạn bè đi chơi, không lo làm ăn, khi biết được anh có khuyên ngăn nhưng chị L không sửa đổi. Tuy vậy, anh vẫn cho chị L cơ hội sửa đổi nhưng dần dần chị L bỏ đi sống cùng người đàn ông khác, bỏ con lúc còn thơ dại. Từ đó đến nay chị L thường xuyên về nhà cha mẹ ruột nhưng không tới lui thăm con, hiện nay chị L có ý định về sống gần con. Anh và chị L đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy anh và chị L không còn cơ hội hàn gắn nên anh đề nghị ly hôn.

Chị L không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía anh A đưa ra. Mặc dù, lời trình bày của anh A là đơn phương nhưng chị L không có ý kiến phản bác đối với lời trình bày này. Hơn nữa, chị L không tham dự các phiên hòa giải của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình là muốn đoàn tụ, hàn gắn mâu thuẫn hôn nhân chứng tỏ chị L không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với anh A. Đồng thời anh, chị đã có thời gian ly thân đã khá lâu nhưng vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa anh A và chị L không thể tiếp tục kéo dài, tình trạng hôn nhân của anh, chị đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh A là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh A xác định giữa anh và chị L có 01 con chung là Trịnh Hoàng A1, sinh ngày 12/7/2013. Hiện đang sống với anh A. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh A và chị L ly thân cho đến nay là do anh A nuôi dưỡng con chung. Chị L không có ý kiến gì về việc anh A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đồng thời theo đơn trình bày nguyện vọng của cháu Hoàng A1 thì sau khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha. Do đó để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của con chung nên cần tiếp tục giao con chung là Trịnh Hoàng A1, sinh ngày 12/7/2013 cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh A không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh A xác định không có. Chị L không có ý kiến tài sản chung cũng như nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trịnh Hoàng A được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Trịnh Hoàng A1, sinh ngày 12/7/2013 cho anh Trịnh Hoàng A nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Trịnh Hoàng A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai

thu số 0004921 ngày 16/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.
Xem như anh A đã thi hành xong phần án phí.

5. Anh Trịnh Hoàng A, chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

